

CÔNG TY CỔ PHẦN WTI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN WTI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WTI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WTI COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0317619215

3. Ngày thành lập: 22/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

45 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0911695775

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở; trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R 22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chống sét, thiết bị chiếu sáng; thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị an toàn; thiết bị báo cháy, báo trộm, camera quan sát; lắp đặt hệ thống điện công nghiệp đến 35KV; lắp đặt cột ăngten; lắp đặt hệ thống tổng đài viễn thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý vé số	4610
6.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn	4633
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị viễn thông, máy vi tính, đồng hồ, điện thoại, máy fax. Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn dụng cụ y tế. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất. Bán buôn sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng thể thao). Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng. Bán buôn phần mềm máy tính, các thiết bị linh kiện điện tử, điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển; thiết bị và linh kiện trong ngành công nghệ thông tin, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in và phụ tùng, thiết bị nghiên cứu khoa học, thí nghiệm. Bán buôn camera quan sát, linh kiện, phụ kiện camera. Bán buôn các thiết bị, sản phẩm trong lĩnh vực phát thanh truyền hình (không bao gồm dịch vụ phát thanh truyền hình).	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông. Bán buôn các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Bán buôn hệ thống an ninh, báo cháy, báo trộm; Bán buôn sản phẩm công nghệ thông tin Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị trang trí nội thất	4669
14.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu sản phẩm	8230
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đào tạo dạy nghề. Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo công nghệ thông tin (bao gồm nhưng không giới hạn: Đào tạo liên quan đến phục hồi dữ liệu; Đào tạo liên quan đến hệ thống thông tin và ứng dụng vào các công nghệ khác)	8559
18.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục.	8560
19.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bảo hành và bảo trì các hệ thống thông tin và ứng dụng các công nghệ khác.	9511

20.	Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9512
21.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9521
22.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9522
23.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9529
24.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm phần mềm trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính.	6201
25.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
27.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: cung cấp các nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng: trên mạng điện thoại di động.	6311
28.	Cổng thông tin Chi tiết: thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	6312
29.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Cung cấp các nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng điện thoại di động; Dịch vụ tin học; Dịch vụ thương mại điện tử.	6399
30.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, tư vấn bất động sản (trừ tư vấn pháp lý).	6820
33.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư, công nghệ thông tin (trừ tư vấn pháp lý, tài chính, kế toán)	7020

34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường; giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường; tư vấn thiết kế công trình: thủy lợi, thủy điện, Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện xây dựng dân dụng công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ), hạ tầng kỹ thuật (cấp nước và thoát nước), đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, điện chiếu sáng, điện – điện tử viễn thông, mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng, hệ thống công nghệ thông tin (phần mềm, phần cứng, hệ thống thông gió điều hòa không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng, thi công tu bổ và phục hồi di tích, xử lý nền móng công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội và ngoại thất công trình	7110
35.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào cuộc sống.	7212
38.	Quảng cáo	7310
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin	7320
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, sản xuất, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, các dịch vụ phục hồi dữ liệu; Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, sản xuất, tích hợp, đào tạo, chuyển giao các hệ thống thông tin và ứng dụng vào các công nghệ khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).	7490
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QDD-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QDD-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4711
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

44.	Sản xuất linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở)	2610
45.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở)	2620
46.	Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở)	2630
47.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2640
48.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học (không hoạt động tại trụ sở)	2731
49.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác (không hoạt động tại trụ sở)	2732
50.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QDD-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QDD-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4799
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Bưu chính Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông	5310
54.	Chuyển phát Chi tiết: Dịch vụ chuyển phát nhanh.	5320
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: nhà hàng.	5610
56.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng chuyên nhượng quyền với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cafe (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
58.	Xuất bản phần mềm	5820
59.	Hoạt động chiếu phim	5914
60.	Hoạt động viễn thông có dây (trừ cung cấp dịch vụ truy cập, truy nhập internet tại trụ sở)	6110
61.	Hoạt động viễn thông không dây	6120

62.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet. Cung cấp dịch vụ Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng IPS. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet). Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax giá trị gia tăng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng. Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo. Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép). Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động. Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động. Đại lý cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, internet. Đại lý cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động. Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông (OCP).	6190
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Cho thuê các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ tin học viễn thông. Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; Cho thuê các thiết bị và dịch vụ tin học, hệ thống công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống viễn thông.	7730
64.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Tư vấn, cung cấp, dịch vụ cho thuê nguồn lực công nghệ thông tin trong nước (outsourcing) (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động) (trừ cho thuê lại lao động)	7830
65.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất thiết bị tích hợp phần mềm.	3290
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Triển khai, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm trong lĩnh vực điện tử, phát thanh và truyền hình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Lắp đặt các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ viễn thông và hệ thống viễn thông; Lắp đặt các thiết bị, sản phẩm dịch vụ tin học, hệ thống công nghệ thông tin.	3320
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

71.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
72.	Xây dựng nhà để ở	4101
73.	Xây dựng nhà không để ở	4102
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/ND-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
77.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
78.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
79.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
80.	Xây dựng công trình thủy	4291
81.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
82.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Phá dỡ	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)	4321
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
88.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
91.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự hoặc an toàn xã hội)	4764
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ camera quan sát, linh kiện – phụ kiện của camera. Bán lẻ hệ thống an ninh, báo cháy, báo trộm. Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán lẻ hoa, cây cảnh, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ), dầu hỏa, than nhiên liệu, đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh, xe đạp và phụ tùng.	4773

94.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>
-----	---	---

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VIỆT ANH	Số 9, Ngõ Hàng Bún, Phường Nguyễn Trung Trục, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	001300001154	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		

2	TRẦN THANH NGA	Số 6, Ngõ 67, Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	0011810052 7	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		
3	LÊ NHƯ VIỆT	Số 9, Ngõ Hàng Bún, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	0010880212 49	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THANH NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001181005279

Ngày cấp: 08/01/2015

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 6, Ngõ 67, Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 6, Ngõ 67, Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh